

Số: 06 /2011/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 14/1998/NĐ-CP ngày 06/3/1998 về quản lý tài sản nhà nước; số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 218/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 của HĐND tỉnh về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý (theo quy định chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV KTTH^T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Thơi

QUY ĐỊNH

**Về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại
các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Hưng Yên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 66 /2011/QĐ-UBND
ngày 09/3/2011 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh

1. Quy định này cụ thể hoá việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan) thuộc tỉnh quản lý.

Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân không thuộc phạm vi điều chỉnh tại quy định này. Các quy định khác về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008; Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06/3/1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước; Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

2. Tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm: Trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nội dung phân cấp về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, xử lý tài sản nhà nước, gồm:

1. Quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc.
2. Quyết định mua sắm tài sản nhà nước.
3. Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.
4. Quyết định chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước.

5. Quyết định thu hồi tài sản nhà nước.
6. Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước.
7. Quyết định bán tài sản nhà nước.
8. Quyết định thanh lý tài sản nhà nước.
9. Quyết định tiêu huỷ tài sản nhà nước.
10. Kiểm kê, báo cáo tài sản nhà nước.
11. Công khai việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
12. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
13. Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ.
14. Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính dùng vào mục đích cho thuê.
15. Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính để liên doanh, liên kết.
16. Xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Phân cấp quản lý nhà nước về tài sản đảm bảo mọi tài sản nhà nước đều được giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng, bảo tồn và phát triển tài sản đó.
2. Phân cấp quản lý nhà nước về tài sản được thực hiện thống nhất, có phân công, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan và trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài sản.
3. Phân cấp quản lý nhà nước về tài sản đảm bảo tài sản nhà nước được đầu tư trang bị, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định của pháp luật là tài sản không có nguồn gốc là tài sản của nhà nước nhưng theo quy định của pháp luật đến thời điểm nhất định, tài sản này được xác lập là tài sản thuộc sở hữu của nhà nước.
2. Phương án xử lý tài sản nhà nước là tập hợp các đề xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hình thức xử lý đối với tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật: thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi hình thức sở hữu, bán, thanh lý, tiêu huỷ,...
3. Tài sản không còn nhu cầu sử dụng là tài sản vẫn sử dụng bình thường nhưng đối tượng được giao trực tiếp sử dụng không còn nhu cầu sử dụng.

4. Tài sản không sử dụng được là tài sản bị hư hỏng không còn phát huy được công năng hữu ích theo mục đích chế tạo ban đầu.

5. Thu hồi tài sản nhà nước là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu lại tài sản nhà nước đã giao cho cơ quan quản lý, sử dụng.

6. Điều chuyển tài sản nhà nước là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

7. Bán tài sản nhà nước (trừ đất đai) là việc chuyển giao quyền sở hữu tài sản nhà nước cho tổ chức, cá nhân để nhận khoản tiền tương ứng.

8. Chuyển đổi mục đích sử dụng tài sản nhà nước là việc nhà nước quyết định sử dụng tài sản vào mục đích khác so với mục đích sử dụng trước đó.

9. Tiêu hủy tài sản nhà nước là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định xoá bỏ sự tồn tại của tài sản nhà nước.

10. Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính là đơn vị có đủ điều kiện theo quy định của Chính phủ được nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

11. Đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập chưa đủ điều kiện được nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 5. Quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc

Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng, theo phân cấp về quản lý đầu tư và xây dựng của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyết định mua sắm tài sản nhà nước

1. Việc mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo một trong các phương thức sau đây:

a) Mua sắm tập trung được áp dụng đối với các loại tài sản có số lượng mua sắm nhiều, tổng giá trị mua sắm lớn và có yêu cầu được trang bị đồng bộ hiện đại;

b) Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thực hiện mua sắm những tài sản không theo phương thức tập trung.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục tài sản mua sắm theo phương thức tập trung thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Giám đốc Sở

Tài chính và giao cho đơn vị có đủ khả năng thực hiện việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung.

Quyết định mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, ô tô; các tài sản khác có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên trên một đơn vị tài sản để trang cấp cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc trên địa bàn tỉnh theo dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định mua sắm tài sản trong phạm vi dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đối với các tài sản không thuộc Điểm a, Điểm c, Khoản 2 Điều này.

c) Riêng việc mua sắm tài sản không phải là trụ sở làm việc, xe ô tô từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập do thủ trưởng đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

d) Việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung và phương thức mua sắm không tập trung phải theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về Đấu thầu và các pháp luật khác có liên quan quy định.

Điều 7. Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Thuê trụ sở làm việc:

a) Cơ quan nhà nước được thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong các trường hợp sau đây:

- Chưa có trụ sở làm việc hoặc thiếu diện tích trụ sở làm việc so với tiêu chuẩn, định mức mà làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Trụ sở làm việc hiện có đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo an toàn khi sử dụng;

- Việc thuê trụ sở làm việc có hiệu quả hơn việc đầu tư xây dựng, mua sắm;

- Chỉ có nhu cầu sử dụng trụ sở làm việc trong thời gian ngắn.

b) Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép cơ quan nhà nước được thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động có mức tiền thuê từ 100 triệu đồng/năm trở lên theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định cho phép cơ quan nhà nước được thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động có mức tiền thuê từ 50 triệu đồng/năm đến dưới 100 triệu đồng/năm.

- Thủ trưởng cơ quan nhà nước có nhu cầu thuê trụ sở làm việc quyết định thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong phạm vi dự toán kinh phí được giao có mức tiền thuê dưới 50 triệu đồng/năm.

2. Thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc:

a) Cơ quan nhà nước được thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong các trường hợp sau đây:

- Chưa có tài sản hoặc thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức mà làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Tài sản hiện có đã hư hỏng không còn sử dụng được hoặc không đảm bảo an toàn khi sử dụng;
- Chỉ có nhu cầu sử dụng tài sản trong thời gian ngắn hoặc không thường xuyên.

b) Thẩm quyền quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép cơ quan nhà nước được thuê tài sản để phục vụ hoạt động có mức tiền thuê từ 100 triệu đồng/năm trở lên tính cho một đơn vị tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở Tài chính quyết định cho phép cơ quan nhà nước được thuê tài sản để phục vụ hoạt động có mức tiền thuê từ 50 triệu đồng/năm đến dưới 100 triệu đồng/năm tính cho một đơn vị tài sản;
- Thủ trưởng cơ quan nhà nước có nhu cầu thuê tài sản để hoạt động trong phạm vi dự toán kinh phí được giao có mức thu tiền thuê dưới 50 triệu đồng/năm tính cho 01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Quyết định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước phải được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng chế độ tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước:

Thủ trưởng cơ quan được nhà nước giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo đúng chế độ hiện hành.

Điều 9. Quyết định thu hồi tài sản nhà nước

1. Các trường hợp thu hồi tài sản nhà nước:

a) Tài sản nhà nước là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất bị bỏ trống hoặc không sử dụng quá 12 tháng; quyền sử dụng đất được giao để xây dựng trụ sở làm việc mà tiến độ sử dụng đất bị chậm phải thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư, xây dựng.

b) Tài sản nhà nước đã trang bị cho các cơ quan nhà nước, cá nhân không đúng tiêu chuẩn, định mức; tài sản nhà nước bị sử dụng sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức, chế độ, cho thuê hoặc sử dụng để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác trái quy định.

c) Tài sản nhà nước đã trang bị cho cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng mà cơ quan đó không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi tổ chức hoặc thay đổi chức năng, nhiệm vụ và các nguyên nhân khác nhưng

cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản không đề nghị điều chuyển hoặc bán tài sản.

d) Cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tự nguyện trả lại tài sản cho nhà nước.

đ) Các trường hợp cần thiết khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền thu hồi đối với tài sản nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

- Thu hồi tài sản là nhà, vật kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại; tài sản nhà nước có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Kiến nghị thu hồi đối với tài sản của các đơn vị Trung ương trên địa bàn tỉnh khi sử dụng sai định mức, tiêu chuẩn.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản nhà nước của cơ quan thuộc cấp tỉnh quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản nhà nước của cơ quan thuộc cấp huyện quản lý (kể cả đơn vị cấp xã), có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

1. Các trường hợp điều chuyển tài sản nhà nước bao gồm:

a) Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Để mang lại hiệu quả cao hơn.

c) Cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước nhưng không có nhu cầu sử dụng thường xuyên.

d) Tài sản nhà nước bị thu hồi; tài sản bị tịch thu hoặc xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Các trường hợp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền điều chuyển đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan thuộc địa phương quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản; điều chuyển tài sản từ các huyện,

thành phố này sang các huyện khác, từ sở, ban, ngành, đoàn thể (cấp tỉnh) này sang sở, ban, ngành, đoàn thể (cấp tỉnh) khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng cho 01 đơn vị tài sản.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng cho 01 đơn vị tài sản giữa các đơn vị thuộc quyền quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các đơn vị trực thuộc cấp xã quản lý.

3. Việc điều chuyển tài sản nhà nước chỉ được thực hiện giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 11. Quyết định bán tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng được bán trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các nguyên nhân khác mà không xử lý theo phương thức thu hồi hoặc điều chuyển tài sản.

b) Việc sử dụng tài sản nhà nước không có hiệu quả, hiệu quả sử dụng thấp, không có nhu cầu sử dụng thường xuyên (trừ tài sản chuyên dùng).

c) Thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Phải thay thế tài sản do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Tài sản nhà nước bị thu hồi; tài sản bị tịch thu hoặc xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản là nhà, vật kiến trúc gắn liền với chuyển quyền sử dụng đất; xe ô tô các loại tại các cơ quan thuộc địa phương quản lý; bán, chuyển nhượng tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản (hoặc từ 1 tỷ đồng trở lên tính cho 01 lô tài sản) theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán, chuyển nhượng tài sản là máy móc, thiết bị làm việc và các động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản (hoặc từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng tính cho 01 lô tài sản);

c) Thủ trưởng cơ quan quyết định bán, chuyển nhượng tài sản thuộc quyền quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng tính cho 01 đơn vị tài sản (hoặc dưới 500 triệu đồng tính cho 01 lô tài sản).

d) Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị làm việc và các tài sản khác (không thuộc Điểm a, Điểm b, Khoản 2 Điều này) từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính do thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định bán tài sản nhà nước.

Điều 12. Quyết định thanh lý tài sản nhà nước

1. Các trường hợp thanh lý tài sản nhà nước:

- Tài sản đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng;

- Bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;

- Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản là nhà, vật kiến trúc gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất); xe ô tô các loại và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

3. Đối với các tài sản khác (không thuộc Khoản 2 Điều này).

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể quyết định thanh lý tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (kể cả đơn vị cấp xã).

4. Đối với các tài sản là máy móc, thiết bị làm việc và các động sản khác (không thuộc Khoản 2, Khoản 3 Điều này) tại các đơn vị sự nghiệp công lập được mua sắm bằng nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ phúc lợi; các nguồn vốn huy động, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật:

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản do mình được mua sắm.

Điều 13. Quyết định tiêu huỷ tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước bị tiêu huỷ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu huỷ tài sản nhà nước:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc đối tượng phải tiêu huỷ theo quy định của pháp luật quyết định tiêu huỷ tài sản nhà nước.

a) Tài sản chưa sử dụng hết công suất;
b) Tài sản được đầu tư xây dựng để phục vụ hoạt động liên doanh, liên kết theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Việc sử dụng tài sản nhà nước để liên doanh, liên kết đem lại hiệu quả cao hơn trong việc cung cấp dịch vụ công theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích liên doanh, liên kết phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 32 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và tại Khoản 1 Điều 14 của Quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản nhà nước để liên doanh, liên kết:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương để liên doanh, liên kết.

Điều 17. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện hạch toán và báo cáo đối với tất cả tài sản nhà nước được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

2. Đối với các loại tài sản nhà nước sau đây phải báo cáo (báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng) các cơ quan quản lý cấp trên và Sở Tài chính để quản lý thống nhất, tập trung trên địa bàn tỉnh:

- Trụ sở làm việc; quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc;

- Xe ô tô các loại;

- Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính trên 01 đơn vị tài sản.

3. Báo cáo kê khai tài sản nhà nước theo quy định sau đây:

- Báo cáo kê khai tài sản nhà nước hiện đang quản lý, sử dụng đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2010;

- Báo cáo bổ sung: Khi có sự thay đổi một trong các trường hợp dưới đây, đơn vị sử dụng phải kê khai bổ sung chậm nhất 30 ngày kể từ ngày có sự thay đổi:

+ Do mua sắm mới; tiếp nhận từ nơi khác về sử dụng; thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn, thì thời gian thay đổi tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng;

+ Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước:

a) Hàng năm, cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản quy định tại Khoản 2 Điều này thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Điều 14. Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ

1. Việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 32 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, cụ thể như sau:

- a) Không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao;
- b) Sử dụng tài sản đúng mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm;
- c) Phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản nhà nước;
- d) Thực hiện theo cơ chế thị trường và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản;

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định đối với các tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

Điều 15. Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính dùng vào mục đích cho thuê

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được cho thuê tài sản nhà nước trong các trường hợp sau đây:

- a) Tài sản chưa sử dụng hết công suất;
- b) Tài sản được đầu tư xây dựng để cho thuê theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích cho thuê phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 32 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và tại Khoản 1 Điều 14 của Quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định cho thuê tài sản nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản là trụ sở là việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính cho 01 đơn vị tài sản;

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định đối với các tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a Khoản này.

Điều 16. Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính để liên doanh, liên kết

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được sử dụng tài sản nhà nước để liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong các trường hợp sau đây:

của năm trước (Riêng đối với báo cáo tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại cơ quan, đơn vị, tổ chức được thực hiện định kỳ vào ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12 hàng năm) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Thời hạn báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hằng năm quy định như sau:

- Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản lập báo cáo gửi cơ quan cấp trên trực tiếp và gửi Sở Tài chính chậm nhất trước ngày 15 tháng 01 hàng năm. Riêng đối với báo cáo tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức được thực hiện định kỳ 01 năm 02 lần, gửi về Sở Tài chính chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 và 15 tháng 01 hàng năm;

- Cơ quan cấp trên trực tiếp và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo gửi Sở Tài chính chậm nhất ngày 31 tháng 01 hàng năm;

- Sở Tài chính tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 28 tháng 02 hàng năm;

- Ủy ban nhân dân tỉnh lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 03 hàng năm.

Điều 18. Công khai việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước phải công khai việc quản lý, sử dụng bao gồm: trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải và các tài sản cố định khác.

2. Cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện công khai việc mua sắm, đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo các hình thức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan.

Điều 19. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan thuộc địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

3. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán xuất trình các hồ sơ tài liệu có liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài sản nhà nước. Nếu phát hiện vi phạm, có quyền xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 20. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu tài sản của nhà nước

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước thì thẩm quyền xác lập quyền sở hữu tài sản của nhà nước theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Đối với các tài sản khác:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác lập quyền sở hữu tài sản của nhà nước theo quy định của pháp luật đối với:

- Vật bị chôn giấu, chìm đắm, vật bị đánh rơi, bỏ quên được tìm thấy thuộc thẩm quyền xác lập quyền sở hữu tài sản của nhà nước tại địa phương;

- Bất động sản trên địa bàn tỉnh được xác định là vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu;

- Di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản trên địa bàn tỉnh;

- Tài sản của các dự án sử dụng vốn nước ngoài do địa phương quản lý sau khi kết thúc hoạt động được chuyển giao cho nhà nước Việt Nam;

- Tài sản được chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu dưới hình thức biếu, tặng, cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật cho các tổ chức trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Thẩm quyền xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu nhà nước

1. Thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản:

Cơ quan đang quản lý hoặc được giao tạm quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được quy định như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án xử lý tài sản đối với các tài sản được xác lập quyền sở hữu tài sản nhà nước tại Khoản 2 Điều 20 của Quy định này trên cơ sở thẩm định của Sở Tài chính;

Điều 22. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước

1. Phân cấp nguồn thu từ việc xác lập quyền sở hữu tài sản của nhà nước:

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập sở hữu của nhà nước sau khi trừ đi các chi phí hợp lý có liên quan (nếu có) nộp toàn bộ vào ngân sách tỉnh.

2. Phân cấp nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước:

a) Chi phí hợp lý liên quan đến việc xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu của nhà nước được sử dụng từ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản;

b) Trường hợp xử lý tài sản không có nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí hợp lý thì ngân sách nhà nước chi trả.

c) Trường hợp tài sản điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức của nhà nước thì chi phí hợp lý liên quan đến việc xử lý tài sản do cơ quan, đơn vị, tổ chức được tiếp nhận tài sản chi trả.

Chương IV **XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG**

Điều 23. Hành vi bị coi là vi phạm pháp luật về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Quyết định đầu tư xây dựng mới, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu, thanh lý tài sản nhà nước không đúng tiêu chuẩn, định mức, không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện chế độ công khai, báo cáo tài sản nhà nước theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Xử lý vi phạm về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Việc quyết định đầu tư xây dựng mới, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu, thanh lý tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức và không đúng thẩm quyền do nhà nước quy định sẽ bị:

a) Thu hồi lại tài sản đã đầu tư xây dựng mới, mua sắm để điều chuyển cho cơ quan có tiêu chuẩn, định mức được sử dụng;

b) Đình chỉ việc khởi công xây dựng hoặc đình chỉ xây dựng đối với công trình đang xây dựng nhưng mức đầu tư vượt quá tiêu chuẩn, định mức quy định của nhà nước;

c) Người ra quyết định đầu tư xây dựng mới, mua sắm tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức phải chịu xử lý kỷ luật, phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của pháp luật đối với sai phạm mà mình gây ra. Kho bạc nhà nước được quyền từ chối thanh toán đối với các trường hợp sai phạm này theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Cơ quan, tổ chức không thực hiện đăng ký, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định sẽ bị xử lý như sau:

a) Cơ quan Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan Tài chính và các cơ quan khác theo thẩm quyền từ chối phê duyệt quyết định đầu tư, cải tạo nâng cấp, sửa chữa tài sản; từ chối cấp kinh phí để thực hiện việc đầu tư, cải tạo nâng cấp, sửa chữa, mua sắm tài sản của đơn vị;

b) Xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;

c) Thu hồi những tài sản sử dụng sai chế độ, sai mục đích.

3. Cá nhân có hành vi vi phạm về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước, được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước do tỉnh quản lý.

2. Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước theo Quy định này.

3. Tổng hợp báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý; kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 27. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo phân cấp quy định tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức triển khai việc phân cấp và chịu trách nhiệm về kết quả phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo Quy định này và các văn bản quy phạm khác có liên quan.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước.
2. Sử dụng tài sản nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.
3. Thực hiện kê khai đăng ký tài sản, lập thẻ tài sản, theo dõi hạch toán kế toán và báo cáo tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành.
4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện báo cáo, công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị định kỳ theo đúng quy định của pháp luật về kế toán thống kê hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Tài chính.
5. Công khai tiêu chuẩn, định mức, tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, đơn vị.
6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Điều khoản thi hành

Giao cho Sở Tài chính tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thơi